

— Giá các loại sản phẩm sản xuất và tiêu thụ chủ yếu trong mỗi địa phương do Ủy ban Hành chính thành phố, tỉnh quyết định.

## II — QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1) Những loại hàng thuộc phạm vi quyết định của Hội đồng Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ :

a) Giá thu mua các loại hàng: thóc, ngô, đỗ tương, lạc nhân, đường, muối, thịt lợn sống, bông xơ, chè, thuốc lá, thuốc Lào, dầy, cối, gạch, ngói, gỗ cây ở những nơi sản xuất chính.

b) Giá bán lẻ các loại hàng: gạo tẻ, muối, thịt lợn, vải diêm bầu, giấy viết, xăng, dầu hỏa, át-pi-rin, pa-luy-đơ-rin, pê-ni-xi-lin, xuy-n-pha-dia-din, than mỡ, phốt phát, xi-măng và một số kim khí, hóa chất.

Ngoài ra sẽ tùy theo sự cần thiết mà mở rộng thêm mặt hàng thuộc phạm vi quyết định của Hội đồng Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ.

2) Những loại hàng thuộc phạm vi quyết định của Bộ Thương nghiệp:

a) Bộ Thương nghiệp căn cứ các giá tiêu chuẩn ở thị trường chính do Hội đồng Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ quyết định mà định giá các loại hàng khác theo chênh lệch phẩm chất từng thị trường chính khác.

b) Bộ Thương nghiệp định giá một số hàng quan trọng khác ở các thị trường chính do Bộ trực tiếp chỉ đạo.

c) Bộ Thương nghiệp định giá tiêu chuẩn cho các loại hàng phụ ở các thị trường chính và ủy nhiệm các Tổng công ty căn cứ vào đó để định giá các mặt hàng khác cùng loại. Các loại hàng phụ trên đây sẽ do Bộ Thương nghiệp quy định và thông tri cho các địa phương.

3) Ủy ban hành chính thành phố, tỉnh:

a) Căn cứ vào giá chỉ đạo của Bộ Thương nghiệp ở thị trường chính trong tỉnh mà chỉ đạo giá ở các thị trường phụ.

b) Quyết định giá các loại hàng phụ sản xuất và tiêu thụ chủ yếu trong địa phương mình theo sự quy định của Bộ Thương nghiệp.

## III — LỀ LỜI LÀM VIỆC

1) Đối với loại thứ nhất: Bộ Thương nghiệp có nhiệm vụ phối hợp cùng các Bộ có liên quan xây dựng đề án, đưa ra Hội đồng vật giá xét trước khi trình Hội đồng Chính phủ hay Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2) Đối với loại thứ hai: Bộ Thương nghiệp sẽ tùy tình chất từng loại hàng mà tranh thủ ý kiến các Bộ, các ngành, các địa phương có liên quan, trước khi quyết định và báo cáo Thủ tướng phủ. Đối với những loại hàng quan trọng có liên quan đến nhiều ngành, trước khi quyết định, Bộ Thương nghiệp cần tranh thủ ý kiến của Hội đồng vật giá. Đối với giá các loại hàng do Bộ Thương nghiệp ủy nhiệm các Tổng công ty quyết định thì các Tổng công ty cần báo cáo đề án về giá lên Bộ thông qua trước khi thi hành.

3) Đối với loại thứ ba: Sở, Ty Công thương và các Công ty Mậu dịch địa phương phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng đề án về giá, trình Ủy ban Hành chính thành phố, tỉnh quyết định và báo cáo lên Bộ Thương nghiệp.

Hà Nội, ngày 3 tháng 8 năm 1957

Thủ tướng Chính phủ  
PHẠM VĂN ĐỒNG

## LIÊN BỘ

LAO ĐỘNG — NỘI VỤ — Y TẾ — TÀI CHÍNH  
NGHỊ ĐỊNH số 78-ND/LB ngày 24-7-1957  
sửa đổi điều 16 của nghị định số  
111-ND/LB ngày 11-11-1955 về việc  
bồi thường tai nạn lao động.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG  
BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ  
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH.

Chiều sắc lệnh số 76-SL ngày 22-5-1950 quy định quy chế công chức giúp việc Chính phủ;

Chiều sắc lệnh số 77-SL ngày 22-5-1950 quy định quy chế công nhân giúp việc Chính phủ;

Chiều nghị định Liên bộ số 111-ND/LB ngày 11-11-1955 về việc bồi thường tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp.

## NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Điều 16 của nghị định Liên bộ Lao động — Nội vụ — Y tế và Tài chính số 111-ND/LB ngày 11-11-1955 được sửa đổi lại như sau:

« Nghị định số 111-ND/LB có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Riêng công nhân viên kháng chiến đã bị tai nạn lao động trong khoảng thời gian từ ngày Độc lập (2-9-1945) cho đến ngày ban hành nghị định số 111-ND/LB (11-11-1955), nếu chưa được bồi thường, cũng sẽ được xét và bồi thường theo

những điều khoản ấn định ở trên. Thời hạn cuối cùng để xét những trường hợp đặc biệt này là ngày 30-10-1957.

Việc bồi thường cho công nhân viên mắc bệnh nghề nghiệp sẽ thi hành kể từ ngày ban hành các nghị định Liên bộ Lao động — Y tế nói ở điều 11 và 14.»

Điều 2. — Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành chính các liên khu, Hà nội, Hải phòng, Hồng quang, Giám đốc Ban Thanh tra Bộ Lao động, Giám đốc Sở Lao động các liên khu, Giám đốc các Sở Lao động Hà nội, Hải phòng, Hồng quang, chiếu nghị định thi hành.

Ngày 24 tháng 7 năm 1957

K.T. Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Thứ trưởng

TÔ QUANG ĐÀU

Bộ trưởng Bộ Lao động,

NGUYỄN VĂN TẠO

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thứ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

Bộ trưởng Bộ Y tế

B.S. HOÀNG TÍCH TRÍ

**THÔNG TƯ số 12-TT/LB ngày 24-7-1957**

hướng dẫn thi hành nghị định Liên bộ số 111-NĐ/LB ngày 11-11-1955 và nghị định Liên bộ số 78-NĐ/LB ngày 24-7-1957 về phân bồi thường tai nạn lao động (Thông tư này thay thế cho phần thứ nhất của Thông tư Liên bộ số 13-TT/LB ngày 11-11-1955 về thể thức bồi thường tai nạn lao động).

Ngày 11-11-1955 Liên bộ Lao động—Nội vụ—Y tế và Tài chính đã ban hành nghị định số 111-NĐ/LB ấn định thể thức bồi thường tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp. Cũng ngày 11-11-1955 Liên bộ nói trên lại đã ra thông tư số 13-TT/LB hướng dẫn việc thi hành nghị định số 111-NĐ/LB. Nội dung thông tư gồm 2 phần: phần trên nói về tai nạn lao động và phần dưới nói về các bệnh nghề nghiệp.

Phần về tai nạn lao động của thông tư số 13-TT/LB có mấy điểm chưa rõ ràng đầy đủ, mục đích nghĩa còn thiếu sót khiến nhiều ngành hoặc địa phương đã quan niệm không thống nhất về tai nạn lao động. Có nơi quan niệm chặt chẽ, hạn chế phạm vi được hưởng bồi thường, làm thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của anh chị em công nhân viên. Có nơi lại áp dụng việc bồi thường cho cả những trường hợp không phải là tai nạn lao động, làm thiệt hại đến công quỹ Nhà nước.

Mặt khác, do thông tư số 13-TT/LB chưa được đầy đủ và cụ thể, có khi đối với các tai nạn lao động tương tự, mỗi địa phương đã giải quyết một cách khác nhau, dễ khiến anh chị em suy bị thắc mắc.

Ngày 24-7-1957 Liên bộ ban hành nghị định số 78-NĐ/LB sửa đổi lại điều 16 của nghị định Liên bộ số 111-NĐ/LB ngày 11-11-1955. Đề nghị nghị định số 111-NĐ/LB và nghị định số 78-NĐ/LB (phần tai nạn lao động) được thi hành đúng đắn và dễ dàng, thông tư này thay thế hẳn cho phần thứ nhất của thông tư số 13-TT/LB, giải thích rõ trường hợp nào là tai nạn lao động và hướng dẫn chi tiết việc thi hành.

**I. — TRƯỜNG HỢP NÀO LÀ TAI NẠN LAO ĐỘNG**

Nghị định số 111-NĐ/LB điều 1, đã quy định «Được kể là tai nạn lao động những tai nạn xảy ra trong khi làm việc tại các xí nghiệp (kể cả quốc doanh), công trường, hầm mỏ, doanh điền hay tại các cơ quan chính quyền, đoàn thể thuộc dự toán tỉnh và dự toán trung ương». Như vậy tính chất chủ yếu của tai nạn lao động là phải xảy ra trong khi làm việc tại nơi làm việc. Nói «khi làm việc» không phải chỉ bó hẹp vào những lúc mà người công nhân, nhân viên đang thực sự sản xuất hay làm việc mà bao gồm cả khoảng thời gian làm việc ở xí nghiệp, cơ quan. Ví dụ: giờ làm việc quy định về buổi sáng bắt đầu từ 6 giờ 30 đến 11 giờ. Những tai nạn xảy ra trong khoảng thời gian này tại nơi làm việc, dù vào lúc anh chị em được nghỉ giải lao hoặc vào lúc các chị cho con bú, cũng đều là tai nạn lao động. Đối với một vài trường hợp công nhân viên phải đến sớm chút ít để sửa soạn máy móc hoặc ở lại chậm ít giờ để hoàn thành một công việc nào đó, thời tai nạn xảy ra cho anh chị em trong những khoảng thời gian này, ở nơi làm việc, cũng đều được coi là tai nạn lao động.

Nói «nơi làm việc» trong nghị định cũng không nhất thiết phải là tại cơ sở sản xuất. Điều «1», phần dưới, của nghị định số 111-NĐ/LB đã quy định rõ ràng: «Cũng kể tai nạn lao động các tai nạn xảy ra ngoài các cơ sở sản xuất khi người công nhân viên đang tiến hành công tác do cơ quan sử dụng giao cho (trong lúc làm việc ở nơi làm công tác hoặc trên đoạn đường cần thiết và hợp lý đi và về để thực hiện công tác nói trên).

Những tai nạn xảy đến cho công nhân viên trong khi làm việc tại nơi làm việc hoặc khi thi hành nhiệm vụ ngoài cơ sở sản xuất như đã nói ở trên, bất luận do công nhân viên vô ý, do xí nghiệp thiếu phương tiện đề phòng, do thiên tai